

ĐẾN nay nước ta đã có quan hệ ngoại giao với 168 nước và vùng lãnh thổ; có quan hệ thương mại với 165 quốc gia và vùng lãnh thổ, trở thành đối tác tin cậy của các cơ quan tài chính quốc tế như Tổ chức tiền tệ thế giới, Ngân hàng thế giới, Ngân hàng châu Á. Chúng ta đã thực hiện có hiệu quả đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Việt Nam đã tham gia hầu hết các công ước quốc tế cơ bản về quyền con người. Đó là "Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng", "Công ước quốc tế về loại trừ các hình thức phân biệt chủng tộc", "Công ước quốc tế về ngăn chặn và trừng trị tội ác A-pác-thai - phân biệt chủng tộc", "Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa", "Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị", "Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ" và "Công ước về quyền trẻ em" cùng với hai nghị định thư của Công ước này. Uy tín của Việt Nam trên lĩnh vực bảo đảm quyền con người được cộng đồng quốc tế thừa nhận rộng rãi, Việt Nam đã được bầu vào Ủy ban Nhân quyền của Liên hợp quốc, nhiệm kỳ 2001 - 2003 và được cộng đồng quốc tế đánh giá "là một trong những nước có thành tích xóa đói giảm nghèo nhanh nhất", là một trong số ít quốc gia an ninh được bảo đảm tốt nhất.

Những thành tựu cơ bản trong việc bảo đảm quyền con người ở nước ta thời kỳ đổi mới

CAO ĐỨC THÁI *

Việc bảo đảm quyền con người ở nước ta không chỉ bằng những quy định trong pháp luật hoặc trong một số chính sách nhất định mà bằng cả một hệ thống các thể chế. Đó là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mà một trong những đặc trưng của nó là bảo đảm quyền bình đẳng giữa người dân với người dân; giữa người dân với cơ quan nhà nước và công chức; đó là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với sự đa dạng về sở hữu và thành phần kinh tế. Trên giác độ quyền con người, điểm quan trọng là sự thừa nhận quyền sở hữu của tất cả mọi người và quyền tự do sản xuất kinh doanh. Với việc bảo hộ của nhà nước hai quyền này, lần đầu tiên cơ sở kinh tế của quyền con người được xác lập trong thực tế.

Về mặt xã hội, trong thời kỳ đổi mới các tổ chức xã hội, bao gồm các tổ chức xã hội - chính trị, xã hội và xã hội nghề nghiệp phát triển hơn bao giờ hết. Theo thống kê chưa

* TS, Giám đốc, Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

đầy đủ, ở Việt Nam hiện có 6 tổ chức chính trị - xã hội, hàng trăm tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Cả nước hiện có 18.259 tổ chức xã hội ở cấp tỉnh. Đây là môi trường thuận lợi trong việc bảo đảm các quyền tự do, dân chủ; quyền tham gia vào công việc quản lý xã hội và nhà nước của nhân dân.

Như vậy, *trong thời kỳ đổi mới, các quyền và tự do của con người được phát huy và bảo đảm vững chắc bởi các thể chế – Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xã hội công dân và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.* Thành tựu nổi bật của chúng ta trên lĩnh vực nhân quyền trước hết là việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, bao gồm cả Hiến pháp năm 1992, pháp lệnh, nghị định, hướng vào việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đây là sự bảo đảm vững chắc các quyền và tự do cơ bản của người dân.

Theo thống kê, từ 1986 đến nay, Quốc hội đã thông qua trên 40 bộ luật và các luật, trong đó có những bộ luật lớn trực tiếp bảo đảm các quyền con người như: Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Chăm sóc, Giáo dục, Bảo vệ trẻ em, Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo...

Từ năm 1998, Đảng đề xuất chủ trương thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở với phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Với Quy chế này, quyền dân chủ, quyền làm chủ của người dân trên mọi mặt đời sống của xã hội từ chính trị đến kinh tế, văn hóa, xã hội đã được bảo đảm và phát huy trong thực tế.

Kế thừa Hiến pháp và pháp luật các thời kỳ trước đây, những nguyên tắc cơ bản bảo đảm quyền con người đã được thể chế hóa ngày càng cụ thể hơn trong pháp luật thời kỳ đổi

mới. Đó là: nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ trên các lĩnh vực chính trị, dân sự. Nguyên tắc bình đẳng giới đã được xem là một nguyên tắc xuyên suốt pháp luật quốc gia. Hơn nữa chính sách, pháp luật Việt Nam còn giành những ưu tiên đặc biệt cho phụ nữ. Nguyên tắc bình đẳng giới đã có từ trước khi đổi mới. Cái mới trong giai đoạn hiện nay là pháp luật đã cụ thể hóa nguyên tắc này. Ví dụ như quyền sở hữu bất động sản, quyền tự do kinh doanh, quyền giao kết và thực hiện hợp đồng... trước đây chỉ ghi tên chồng, nay có cả tên vợ, nữ giới bình đẳng với nam giới.

Vai trò của phụ nữ trong hoạt động chính trị, xã hội ngày càng được đề cao. Tỷ lệ nữ trong Quốc hội từ khóa VIII đến nay (khóa XI) tăng liên tiếp từ 17%, 18,4%, 26,22%, 27,31%. Xét trên tiêu chí nữ tham gia Nghị viện hiện nay Việt Nam đứng thứ 2 trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, thứ 9/135 quốc gia trên thế giới.

Chúng ta cũng thấy, các nguyên tắc quan trọng đang bảo vệ con người đã được ghi nhận và thực hiện: *Nguyên tắc cấm hỏi tố trong Luật Hình sự đã được bảo vệ.* Đây được xem là nội luật hóa một nguyên tắc của luật quốc tế về quyền con người (Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị, 1966). *Nghiêm cấm tra tấn, nhục hình và đối xử vô nhân đạo, quyền tự do và bất khả xâm phạm về thân thể, nhà ở, thư tín... đã được ghi nhận trong pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài ở Việt Nam được tôn trọng. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; tự do ngôn luận của công dân được bảo đảm ngày càng tốt hơn.*

Năm 1990, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 24 về Công tác tôn giáo, trong đó xác định: "Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân". Nghị quyết Hội nghị

lần thứ 7 khóa IX của Đảng đã xác định: Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ đổi mới, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã được bảo đảm tốt hơn; đồng thời, Nhà nước ta cũng đã có biện pháp ngăn chặn các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo để phá hoại sự nghiệp đại đoàn kết của nhân dân.

Đến nay, Việt Nam có 18.358.345 người có đạo (bằng 24% dân số). Các cơ sở đào tạo chức sắc của nhiều tôn giáo được mở rộng đáng kể. Phật giáo hiện có 3 học viện, 4 lớp cao đẳng, 30 trường trung cấp, 37 trường sơ cấp Phật học với hàng vạn tăng sinh. Công giáo có 6 đặc chủng viện với 1.044 giáo sinh. Các đại diện của tôn giáo đã có mặt trong các cơ quan quyền lực các cấp (Quốc hội, Hội đồng nhân dân).

Đáng chú ý là *quyền tự do ngôn luận, báo chí* trong Hiến pháp năm 1992 được mở rộng và cụ thể hơn các Hiến pháp trước. Điều 69 ghi nhận: "Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin, có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật". Luật Báo chí năm 1989, Điều 2 quy định: "Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận trên báo chí và không một tổ chức, cá nhân nào được hạn chế, cản trở báo chí, nhà báo hoạt động. Không ai được lạm dụng quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận trên báo chí để xâm phạm lợi ích của nhà nước, tập thể và công dân". Luật Báo chí sửa đổi năm 1999 còn quy định báo chí "không bị kiểm duyệt"...

Dựa trên quan điểm, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, báo chí nước ta đã có sự phát triển vượt bậc, phản ánh quyền rộng rãi về ngôn luận, báo chí của

nước ta. Đến nay, Việt Nam có trên 7 ngàn hội viên Hội Nhà báo. Hội Nhà báo Việt Nam là thành viên của Tổ chức báo chí ASEAN (CAJ), Tổ chức quốc tế các nhà báo (OIJ); Việt Nam có trên 600 ấn phẩm các loại với trên 565 triệu bản/năm. Trong đó có 63 báo trung ương, 97 báo địa phương, 20 tạp chí đối ngoại. Từ năm 1997, In-tơ-nét được đưa vào sử dụng. Mặc dù chúng ta đang đứng trước nhiều khó khăn thách thức trong việc quản lý, sử dụng nó song sự phát triển nhanh chóng của nó và các phương tiện viễn thông, tin học đã tạo ra một môi trường thuận lợi to lớn trong việc đáp ứng quyền tự do ngôn luận, báo chí, tự do thông tin ở Việt Nam.

Sóng phát thanh, truyền hình đã phủ tới trên 90% các vùng. Những điểm "lõm" không có sóng đang được khắc phục. Theo chương trình quốc gia đến năm 2005, tất cả các vùng trên cả nước đều được phủ sóng phát thanh, truyền hình. Ngôn ngữ một số dân tộc thiểu số ở Tây Bắc, Tây Nguyên đã được sử dụng trong các chương trình phát thanh, truyền hình ở một số địa phương.

Trên lĩnh vực bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc chung sống trên lãnh thổ Việt Nam theo Hiến pháp, pháp luật, chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Số đại biểu Quốc hội thuộc các dân tộc thiểu số ngày càng cao. Trong cơ cấu tổ chức của Quốc hội, cơ quan đại diện các dân tộc, Hội đồng dân tộc có vị trí rất cao. Đời sống của đồng bào thiểu số đã được cải thiện rõ rệt, kết cấu hạ tầng đã được cải thiện đáng kể, đường ô tô đã đến hầu hết các trung tâm xã. Điện lưới quốc gia đã đến 98% số huyện, và 64% số xã. Chương trình quốc gia 135 đã cung cấp trên 3.222 tỉ đồng, giúp đồng bào phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Công tác định canh, định cư đã đạt được thành tích quan trọng, 2 triệu trong tổng số 3 triệu dân du canh, du cư đã định cư, ổn định đời sống. Nhà nước đã dành

cho đồng bào các dân tộc thiểu số nhiều ưu đãi, như chính sách *cử tuyển* vào các trường đại học và cao đẳng. Hiện có trên 6.000 con em được hưởng chế độ này. Số trường dân tộc nội trú trên cả nước là 393 trường với 60.000 con em đồng bào được nuôi dưỡng và học tập không mất tiền.

Ở khía cạnh khác, các quyền con người về kinh tế - xã hội và giáo dục, chăm sóc sức khỏe trong thời kỳ đổi mới được nâng cao hơn bất cứ thời kỳ lịch sử nào.

Quyền về kinh tế, Hiến pháp năm 1992 đã quy định bảo đảm quyền sở hữu và quyền thừa kế của tất cả mọi người. Gắn liền với cơ cấu sở hữu đa thành phần, *quyền tự do trong sản xuất, kinh doanh* cũng được bảo đảm. Tính đến tháng 9-2003, cả nước có hơn 127.000 doanh nghiệp tư nhân, tạo thêm nhiều triệu việc làm mới cho người lao động. Đáng chú ý là các thủ tục phiền hà đã được giảm đáng kể. Để xin được giấy phép thành lập doanh nghiệp trước đây phải mất hơn 3 tháng (98 ngày) nay còn 7 ngày. Chính phủ đã bãi bỏ trên 150 giấy phép mang tính trói buộc, quan liêu. Kinh tế trang trại cũng phát triển mạnh mẽ. Chương trình quốc gia về việc làm theo Quyết định 126 (năm 1998) của Thủ tướng Chính phủ đã đem lại hiệu quả to lớn. Tính từ năm 1996 đến năm 2000, số người được giải quyết việc làm là trên 6 triệu người.

Thành tựu nổi bật nhất trên lĩnh vực bảo đảm quyền kinh tế, đó là kết quả thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo. Từ năm 1999 đến năm 2001, chỉ tính riêng Chương trình 135, Nhà nước đã đầu tư 1.100 tỉ đồng; các bộ, ngành, địa phương đã đầu tư 800 tỉ đồng để xây dựng kết cấu hạ tầng cho 1.000 xã đặc biệt khó khăn. Ngân hàng chính sách xã hội đã cho hàng triệu hộ nghèo vay vốn. Số tiền cho vay trong năm 2002 đã lên tới 2.300 tỉ đồng. Kết quả là, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm đi nhanh chóng.

Nếu như năm 1986, cả nước có tới gần 50% số hộ nghèo thì đến nay chỉ còn 11%.

Quyền về giáo dục, Nhà nước ta đã tạo ra mô hình giáo dục mới, huy động được nhiều nguồn lực để phát triển giáo dục và xây dựng được hệ thống giáo dục hoàn chỉnh từ mầm non đến đại học và sau đại học. Nếu như năm 1986 nước ta mới có 98 trường đại học, nay đã có 198 trường, trong đó có 23/198 trường đại học, cao đẳng dân lập. Theo thống kê, 100% các tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn phổ cập tiểu học và xóa mù chữ, một số tỉnh, thành phố đang bắt đầu thực hiện chương trình phổ cập trung học cơ sở.

Quyền được chăm sóc sức khỏe của nhân dân, về cơ bản, hệ thống các cơ sở y tế quốc gia đã hình thành với 5 tuyến: xã, huyện, tỉnh, thành phố và trung ương, đó là chưa kể các cơ sở y tế quân đội, công an và của nhiều bộ, ngành. Việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em đã đạt được thành tích đáng kể. Đến nay, 6 bệnh: lao, sỏi, ho gà, bạch hầu, uốn ván, bại liệt đã được loại trừ về cơ bản. Có 94,6% các cháu nhỏ được sử dụng thuốc dự phòng. Năm 2000, nước ta được Tổ chức Y tế thế giới (WHO) ghi nhận đã xóa được bệnh bại liệt và uốn ván ở trẻ sơ sinh. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm liên tục trong nhiều năm. Từ chỗ 51,5% các cháu suy dinh dưỡng vào năm 1986, đến năm 2000 chỉ còn 33%. Đối với người nghèo, Nhà nước đã chi từ ngân sách giúp khám chữa bệnh, số tiền lên tới 520 tỉ đồng (năm 2003). Chỉ tính riêng ở 20 tỉnh phía Nam chính quyền địa phương đã mua 1.600.218 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo.

Theo thống kê của Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam có hai điểm tích cực, đó là thứ tự xếp hạng tăng liên tục hàng năm và cao hơn thứ tự xếp hạng phát triển kinh tế. Điều này nói lên rằng, đường lối, chính sách kinh tế - xã hội của Việt Nam

hướng vào con người đã đạt được hiệu quả rõ nét.

*
* *

Hai mươi năm, kể từ khi đất nước ta bắt đầu công cuộc đổi mới đến nay không phải là một quãng thời gian dài so với lịch sử cách mạng Việt Nam, song nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đạt được những thành tựu vô cùng to lớn về quyền con người, trên tất cả các mặt: dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Có thể nói, chưa bao giờ người dân Việt Nam lại được thụ hưởng các quyền con người cao như giai đoạn này. Sở dĩ có được những thành tựu đó vì:

Thứ nhất, đường lối, chính sách, pháp luật nước ta nhất quán hướng vào mục tiêu độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và hạnh phúc của con người.

Thứ hai, Đảng ta đã phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, nắm vững bản chất của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội với ba thể chế xã hội. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và xã hội công dân được hình thành tạo ra các điều kiện cơ bản bảo đảm cho các quyền và tự do của người dân một cách vững chắc.

Thứ ba, Đảng ta kiên trì quan điểm: vừa hợp tác vừa đấu tranh; hội nhập nhưng không hòa tan; muốn làm bạn với tất cả các quốc gia trong cộng đồng quốc tế, tôn trọng các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã cam kết..., đưa Việt Nam hội nhập với cộng đồng quốc tế, trong đó có lĩnh vực quyền con người. Điều này đã tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, đã củng cố và nâng cao vị thế của nước ta trong cộng đồng quốc tế và tạo ra những điều kiện mới trong việc bảo đảm các quyền con người ở nước ta. □

HỒ CHÍ MINH...

(Tiếp theo trang 38)

quan trọng góp phần tạo nên những tiến bộ của phụ nữ chính là sự đoàn kết của chị em “Phụ nữ ta cần phải đoàn kết chặt chẽ chị em các dân tộc, lao động chân tay và lao động trí óc, phụ nữ miền Bắc và miền Nam. Cần đoàn kết với phụ nữ các nước phe ta và phụ nữ tiến bộ thế giới, để đấu tranh cho mục đích chung là hòa bình thế giới và chủ nghĩa xã hội”⁽⁶⁾.

Muốn biến quyền bình đẳng giữa nam và nữ trở thành thực tế trong đời sống, để công cuộc giải phóng phụ nữ trở thành hiện thực, người phụ nữ cần được giải phóng khỏi công việc bếp núc gia đình, giảm nhẹ gánh nặng nuôi dưỡng con cái, có thì giờ nghỉ ngơi, học tập nâng cao trình độ để có thể tham gia công việc xã hội như nam giới; bản thân giới phụ nữ phải tự đấu tranh, có ý chí, năng lực, kiến thức để vượt qua những hạn chế của giới mình, đấu tranh để tự giải phóng khỏi những ràng buộc của tư tưởng, thói quen lạc hậu, tư tưởng tự ti, ỷ lại. Cuộc đấu tranh ấy chỉ có thể đem lại kết quả bằng chính sự tự khẳng định năng lực, vai trò của phụ nữ trong gia đình, ngoài xã hội.

Để đạt tới mục tiêu ấy, theo Hồ Chí Minh ngoài sự quan tâm, giúp đỡ của Đảng, Chính phủ, nhân tố có ý nghĩa quyết định là mỗi người phụ nữ và cả giới nữ phải quyết tâm, phấn đấu, tự cường, tự đấu tranh để tự giải phóng mình. Đó chính là sự đòi hỏi mỗi người phụ nữ và giới nữ phải vươn lên bằng nội lực của mình. □

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 294